

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN CHẤN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **68/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 25-12-2024

V/v: *Không công nhận quan hệ
vợ chồng và tranh chấp nuôi con.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Trọng Nghĩa;

2. Ông Dương Trung Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn tham gia phiên tòa: Ông Lưu Thượng Thống - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về “Không công nhận vợ chồng, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Giàng A V, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Sùng Thị P, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 11 năm 2024 và tại Bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn anh Giàng A V trình bày:

Anh và chị Sùng Thị P chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân, hai bên gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương từ năm 1999. Sau khi tổ chức đám cưới anh chị sống cùng nhau tại thôn D,

xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm đến nhau. Chị P bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ ở từ năm 2022 đến nay. Anh V xác định tình cảm vợ chồng với chị P không còn, đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa anh và chị P.

Về con chung: Anh V và chị P có 03 con chung là Giàng A D, sinh ngày 18/02/2000, Giàng Thị T, sinh ngày 15/4/2005, Giàng A L, sinh ngày 14/02/2012. Cháu D và cháu T đã trưởng thành, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh V yêu cầu được nuôi con Giàng A L, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 21/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Sùng Thị P trình bày.

Chị và anh Giàng A V chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân, hai bên gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương từ năm 1999. Sau khi tổ chức đám cưới anh chị sống cùng nhau tại thôn D, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm đến nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2022, hiện nay chị P đang ở nhà bố mẹ đẻ ở thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Chị P xác định tình cảm vợ chồng với anh V không còn, anh V đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng chị P đồng ý.

Về con chung: Chị và anh V có 03 con chung là Giàng A D, sinh ngày 18/02/2000, Giàng Thị T, sinh ngày 15/4/2005, Giàng A L, sinh ngày 14/02/2012. Cháu D và cháu T đã trưởng thành. Cháu L hiện nay đang ở với anh V. Khi vợ chồng không chung sống cùng nhau nữa chị P đồng ý để anh V nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ tranh chấp: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Giàng A V. Xử không công nhận vợ chồng giữa anh Giàng A V và chị Sùng Thị P; Về con chung:

Giao cháu Giàng A L, sinh ngày 14/02/2012 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định; Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:

Bị đơn chị Sùng Thị P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn D, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Nguyên đơn anh Giàng A V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con. Anh V đã nộp các tài liệu, chứng cứ trong đó có đơn đề nghị được Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái xác nhận giữa anh Giàng A V và chị Sùng Thị P không có đăng ký kết hôn tại địa phương. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn thụ lý vụ án xác định quan hệ tranh chấp “Không công nhận vợ chồng, tranh chấp nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng” là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nguyên đơn anh V, bị đơn chị P đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Giàng A V và chị Sùng Thị P chung sống với nhau trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu từ năm 1999 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là trái quy định của pháp luật, không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Trong quá trình chung sống, anh V và chị P đều trình bày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là từ năm 2022, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không quan tâm đến nhau. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2022, hiện nay chị P đã về nhà bố mẹ để ở thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ, không quan tâm đến nhau nữa. Anh V và chị P đều đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa hai anh chị. Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm giữa anh V, chị P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Giàng A V và chị Sùng Thị P là có căn cứ theo quy định tại Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3.2. Về con chung: Anh V và chị P cùng công nhận vợ chồng có 03 con chung là Giàng A D, sinh ngày 18/02/2000, Giàng Thị T, sinh ngày 15/4/2005, Giàng A L, sinh ngày 14/02/2012. Cháu D và cháu T đã trưởng thành. Anh V và chị P đều thống nhất để anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại biên bản ghi nguyện vọng của con vào ngày 13/11/2024 tại Tòa án,

cháu L có nguyện vọng được ở với bố. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyện vọng được nuôi con của anh V là chính đáng, cháu L hiện đang sinh sống ổn định với bố, việc giao cháu L cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của hai bên, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

3.3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Giàng A V phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Áp dụng khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Giàng A V đối với chị Sùng Thị P.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Giàng A V và chị Sùng Thị P là vợ chồng.

- Về con chung: Anh V và chị P cùng công nhận vợ chồng có 03 con chung là Giàng A D, sinh ngày 18/02/2000, Giàng Thị T, sinh ngày 15/4/2005, Giàng A L, sinh ngày 14/02/2012. Cháu D và cháu T đã trưởng thành. Giao cháu Giàng A L cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh Giàng A V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh V đã nộp tại biên lai thu số: AA/2024/0000851 ngày 06/11/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái. Anh V đã nộp đủ án phí.

3. Anh Giàng A V và chị Sùng Thị P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Yên Bái;
- VKSND.H Văn Chấn;
- CCTHADS.H Văn Chấn;
- UBND xã Nghĩa Tâm;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

TRẦN THÀNH LONG